TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY N** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2024/HNGĐ- ST
Ngày 05/12/2024
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY N, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Văn N

Ông Võ Hoàng Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Ngày **05** tháng **12** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 401/2024/TLST- HN, ngày 04 tháng 10 năm 2024; về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 551A/2024/QĐXXST-HN ngày 14/11/2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 564/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984;*Trú tại*: Ấp Bình Kh, xã Phú Kh, huyện Thạnh Ph, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**** Bị đơn*:** Lê Phương N, sinh 1985; *Trú tại*: Ấp Minh Ng, xã Ngãi Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị T trình bày:

Vào năm 2023 tôi và anh N đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày N. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, chúng tôi sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh N.

Quá trình sống chung vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Bị đơn Lê Phương N vắng mặt nhưng tại biên bản hoà giải ngày 16/10/2024 anh N có lời trình bày như sau: Mâu thuẫn vợ chồng là có, nên đồng ý ly hôn, về con chung, nợ chung: Không có; Tài sản chung có 01 xe Honda SH trị giá 70.000.000 đồng, 04 chỉ vàng 24k, 06 chỉ vàng 18k tất cả tài sản do T đang giữ, anh yêu cầu chia đôi số tài sản trên, anh nhận ½ giá trị tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị T cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị T là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày N. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Anh N đã được triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị T.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị T anh N kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh N cũng đồng ý ly hôn, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[2] Về con chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, còn anh N cho rằng vợ chồng có tài sản chung là 01 xe Honda SH trị giá 70.000.000 đồng, 04 chỉ vàng 24k, 06 chỉ vàng 18k tất cả tài sản do T đang giữ, anh yêu cầu chia đôi số tài sản trên, anh nhận ½ giá trị tài sản. Tuy nhiên quá trình giải quyết anh N không cung cấp đơn yêu cầu phân chia tài sản và nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật mặc dù anh đã được Toà án thông báo giao nộp, nên không có căn cứ xem xét yêu cầu phân chia tài sản của anh. Giữa anh và chị T có quyền tự thoả thuận

thương lượng về tài sản, nếu không thoả thuận được có quyền khởi kiện ở vụ án khác để yêu cầu phân chia.

[4] Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T. Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Lê Phương N.

Về con chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Tài sản chung: Do anh N không có đơn yêu cầu phân chia, nên không xem xét. Giữa anh N và chị T có quyền tự thoả thuận thương lượng để phân chia tài sản, nếu không thoả thuận được có quyền khởi kiện ở vụ án khác để yêu cầu phân chia.

Án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003734 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày N.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày N (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày N(1b);
- UBND xã Ngãi Đăng (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký